

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Lý thuyết Tối ưu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Văn Nghi

2. Ngày tháng năm sinh: 01/3/1987; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Nam Tiến, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Khu đô thị Hoài Nam, tổ Yên Mỹ 2, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trần Văn Nghi, Giảng viên Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 32 đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại di động: 0965946687; E-mail: tranvannghe@hpu2.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9/2009 đến nay: Giảng viên, Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Địa chỉ cơ quan: số 32 đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên,
tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại cơ quan: 02113863416

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 6 năm 2009; số văn bằng: 346660; ngành: Sư phạm,
chuyên ngành: Toán học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà
Nội 2, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 04 tháng 02 năm 2013; số văn bằng: 4208; ngành: Toán học;
chuyên ngành: Hình học và Tô pô; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Thái Nguyên,
Việt Nam (Chương trình đào tạo phối hợp với Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và
Công nghệ Việt Nam)

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 4 năm 2018; số văn bằng: 007852; ngành: Toán học;
chuyên ngành: Toán giải tích; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm
Hà Nội 2, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm
Hà Nội 2

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Sự tồn tại nghiệm và tính ổn định của bài toán tối ưu đa thức;
- Nghiên cứu định tính đối với một số lớp bài toán bất đẳng thức biến phân.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn
ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: đã chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã công bố (số lượng) 15 bài báo khoa học, trong đó 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (13 bài thuộc danh mục SCIE và 02 bài báo thuộc danh mục ESCI/SCOPUS);
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Số TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Thưởng công trình Toán học của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020	Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán	2018
2	Thưởng công trình Toán học của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020	Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán	2019
3	Thưởng bài báo được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI, SCI, SCIE của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019
4	Thưởng bài báo được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI, SCI, SCIE của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020
5	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019
6	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của một giảng viên tại trường đại học;
- Hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của một nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 10 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2013-2014	0	0	0	3	210	0	210/298,5/196
2	2015-2016	0	0	0	5	300	0	300/741/229,5
3	2016-2017	0	0	0	5	270	0	270/599,5/229,5
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	1	2	255	0	255/486,2/250
5	2023-2024	0	0	1	2	240	30	270/620/204
6	2024-2025	0	0	1	3	270	30	300/692/204

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bậc 4 (tương đương cấp độ B2 Khung tham chiếu Châu Âu)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Tuấn Sơn		✓	✓		12/2019 -8/2020	Trường ĐHSP Hà Nội 2	28/12/2020
2	Nguyễn Thị Hà		✓	✓		12/2020 -8/2021	Trường ĐHSP Hà Nội 2	04/3/2022
3	Lê Thị Hà		✓	✓		12/2020 -8/2021	Trường ĐHSP Hà Nội 2	04/3/2022
4	Hoàng Mạnh Cường		✓	✓		12/2022 -8/2023	Trường ĐHSP Hà Nội 2	25/12/2023
5	Đoàn Thị Thúy		✓	✓		12/2023 -8/2024	Trường ĐHSP Hà Nội 2	16/01/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
Không có							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Quy hoạch toàn phương	CK	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, tháng 10/2022	2	Chủ biên	1-178	Giấy xác nhận số 287/GXN-ĐHSPHN2

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 01 ([1]).

Lưu ý: - Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/ Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Điều kiện cực trị của bài toán quy hoạch toàn phương với ràng buộc toàn phương trong không gian hữu hạn chiều	CN	C.2015.3 Cấp cơ sở	6/2015 -5/2016	29/6/2016/ Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
2	Tính ổn định của bài toán quy hoạch toàn phương với ràng buộc toàn phương	CN	C.2017-18-09 Cấp cơ sở	9/2017 -3/2019	30/8/2019/ Tốt
3	Sự tồn tại nghiệm của bài toán tối ưu đa thức không lồi và một số vấn đề liên quan	CN	HPU2.2023-UT-06 Cấp cơ sở	6/2023 -5/2025	25/3/2025/ Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Continuity and directional differentiability of the value function in parametric quadratically constrained	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica (ISSN: 0251-4184)	ESCI, SCOPUS, SJR2024: 0.239 Q3 (Scimago, 2024)	1	42(2), 311-336	6/2017

	nonconvex quadratic programs							
2	On stability of solutions to parametric generalized affine variational inequalities	1	Có	Optimization (ISSN: 1029-4945)	SCIE, IF2023: 1.6 Q2 (Scimago, 2024)	0	67(2), 269-285	02/2018
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
3	Coderivatives related to parametric extended trust region subproblem and their applications	1	Có	Taiwanese Journal of Mathematics (ISSN: 1027-5487)	SCIE, IF2023: 0.6 Q3 (Scimago, 2024)	1	22(2), 485-511	4/2018
4	On the solution existence and stability of quadratically constrained nonconvex quadratic programs	2		Optimization Letters (ISSN: 1862-4472)	SCIE, IF2023: 1.3 Q2 (Scimago, 2024)	2	12(5), 1045-1063	7/2018
5	Stability for parametric extended trust region subproblems	2	Có	Pacific Journal of Optimization (ISSN: 1348-9151)	SCIE, IF2023: 0.4 Q4 (WoS, 2023)	0	15(1), 111-129	01/2019
6	A Frank-Wolfe type for cubic programs and solvability for quadratic variational inequalities	2	Có	Journal of Optimization Theory and Applications (ISSN: 0022-3239)	SCIE, IF2023: 1.6 Q1 (Scimago, 2024)	0	187(2), 448-468	11/2020
7	On generalized polynomial variational inequality Part 1: Existence of solutions	3	Có	Pacific Journal of Optimization (ISSN: 1348-9151)	SCIE, IF2023: 0.4 Q4 (WoS, 2023)	0	17(1), 115-132	01/2021
8	On the solution existence to convex polynomial	2		Optimization Letters (ISSN: 1862-4472)	SCIE, IF2023: 1.3 Q2(Scimago, 2024)	0	15(2), 719-731	3/2021

	programs and its applications							
9	An Eaves type theorem for quadratic fractional programming problems and its applications	1	Có	Journal of Convex Analysis (ISSN: 0944-6532)	SCIE, IF2023: 0.6 Q2 (Scimago, 2024)	0	28(4), 1073-1086	10/2021
10	General variational inequalities: solution existence, Tikhonov-type regularization, and well-posedness	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica (ISSN: 0251-4184)	ESCI, SCOPUS, SJR2024: 0.239 Q3(Scimago, 2024)	1	47(2), 539-552	6/2022
11	Existence and sensitivity analysis for nonconvex cubic optimization problems	2		Optimization (ISSN: 1029-4945)	SCIE IF2022: 2.2 Q1 (Scimago, 2022)	1	71(7), 1883-1906	7/2022
12	Existence and Tikhonov-type regularization method for generalized affine variational inequalities	2	Có	Pacific Journal of Optimization (ISSN: 1348-9151)	SCIE IF2023: 0.4 Q4 (WoS, 2023)	0	20(1), 1-21	01/2024
13	Existence and stability for generalized polynomial vector variational inequalities	2	Có	Journal of Convex Analysis (ISSN: 0944-6532)	SCIE IF2023: 0.6 Q2 (Scimago, 2024)	0	31(3), 733-748	7/2024
14	A non-polyhedral extension of the Frank-Wolfe theorem to cubic optimization	2	Có	Optimization Letters (ISSN: 1862-4472)	SCIE IF2023: 1.3 Q2 (Scimago, 2024)	0	19(6), 1157-1169	7/2025
15	Weak sharp minima at infinity and solution stability in mathematical programming via asymptotic analysis	3		Journal of Global Optimization (ISSN: 0925-5001)	SCIE IF2023: 1.6 Q1 (Scimago, 2024)	0	Published online	6/2025

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 09 bài ([3], [5], [6], [7], [9], [10], [12], [13], [14]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Toán ứng dụng trình độ đại học	Tham gia	Quyết định số 644/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 04/4/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2	Trường ĐHSP Hà Nội 2	Quyết định số 447/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 25/3/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2	
2	Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Toán giải tích và Toán ứng dụng	Tham gia	Quyết định số 2058/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 20/9/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2	Trường ĐHSP Hà Nội 2	Quyết định số 1125/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 12/6/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Văn Nghị